

Số: 184 /BC-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về
lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, Việt Nam. Tỉnh có tổng diện tích là 5.903,4 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và chiếm 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ. Với hệ thống giao thông kết nối thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc - Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và tương lai không xa là sân bay quốc tế Long Thành được hình thành, đã giúp cho hoạt động kinh tế, giao thương giữa Đồng Nai với cả nước được trở nên dễ dàng hơn, gắn kết giữa vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên. Tính đến năm 2021, Đồng Nai có 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động ở tất cả các ngành nghề, như: điện – điện tử; cơ khí; may mặc; gỗ; hóa chất, ... tỷ lệ lấp đầy bình quân lên đến 82% diện tích. Đồng thời các KCN Đồng Nai thu hút 1.363 dự án FDI với tổng đăng ký hơn 27 tỷ USD. Vì vậy, để các doanh nghiệp luôn tiếp cận các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất để tạo ra các sản phẩm chất lượng, giàu tính cạnh tranh là điều rất cần thiết nhất là trong thời buổi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Trong giai đoạn 2010 - 2015 và 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành 02 Quyết định, cụ thể: Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 và Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 về việc triển khai Chương trình Khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua quá trình triển khai thực hiện, Chương trình đã thực hiện hỗ trợ 32 đơn vị thực hiện nội dung nghiên cứu, đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ và tiết kiệm năng lượng, với tổng số tiền là **1.257.700.000 đồng** (cụ thể: Hỗ trợ Hợp tác xã dịch vụ đầu tư phát triển nông nghiệp xanh (Cầm Mỹ) thực hiện Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ chuyển đổi giống nhanh cho nhà vườn trồng sầu riêng và cà phê giống cũ ở Đồng Nai với, số tiền: 98.622.600 đồng; Hỗ trợ Doanh nghiệp tư nhân Tâm Phát (tp. Biên Hòa) thực hiện Nghiên cứu chế tạo và lắp đặt hệ thống công nghệ xử lý khói bụi và khí thải trong sản xuất gốm đất đen đạt chuẩn môi trường, số tiền: 210.810.000 đồng; Hỗ trợ Hợp tác xã Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch Thanh Bình (huyện Trảng Bom) thực hiện Hỗ trợ chuyển giao công nghệ:

Tư vấn dịch vụ kho lạnh, thiết bị và công nghệ làm chuỗi chín, số tiền: 139.800.000 đồng; ...). Tuy nhiên, các chính sách nêu trên đến nay đều đã hết hiệu lực do kết thúc giai đoạn.

Ngày 19/6/2017, Quốc hội thông qua Luật Chuyển giao công nghệ tại kỳ họp thứ 3, đồng thời Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ trong đó có nội dung biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ. Để cụ thể hóa nội dung nêu trên, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 về Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. Tại quyết định đã đề ra các mục tiêu cụ thể đạt được:

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm.

- 30% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 02 đến 03 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Các doanh nghiệp đổi mới công nghệ có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

- Khoảng 1.000 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở các lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến. *(Ghi chú: các chỉ tiêu đề ra đạt được đến năm 2030).*

Do hiện nay, tỉnh Đồng Nai chưa có chính sách riêng nào để hỗ trợ kinh phí trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp. Đồng thời, trên cơ sở tham khảo nội dung nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ của các địa phương (cụ thể: Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An, Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để “4. *Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

Vì vậy, việc ban hành “*Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030*” là cần thiết và cấp thiết thực hiện, nhằm đảm bảo thi hành văn bản của cấp trên, đồng thời thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ của

doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo sự cạnh tranh trên thị trường, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Việc ban hành chính sách tại địa phương nhằm đảm bảo thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất. Đồng thời đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể:

- Đóng góp vào mục tiêu số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 10%/năm.

- 30% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 02 đến 03 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Các doanh nghiệp đổi mới công nghệ có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp với hơn 50.000 doanh nghiệp đang hoạt động, đa phần trong số này là các doanh nghiệp đã được đầu tư từ những năm 2000. Việc doanh nghiệp xây dựng kế hoạch với các giải pháp công nghệ cụ thể để phát triển sản phẩm, công nghệ mới nhằm đạt được các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, giúp doanh nghiệp nhận dạng được tốt hơn các cơ hội mới, khuyến khích các quyết định công nghệ, cụ thể hóa chiến lược công nghệ, nhận dạng chỗ đứng của công nghệ, xác định chu kỳ kinh doanh, giúp doanh nghiệp có thể đầu tư đổi mới công nghệ một cách hiệu quả. Vì vậy, nhằm khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từng bước thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ (quá trình xác định mục tiêu, nội dung đổi mới công nghệ; trình tự, phưng án sử dụng nguồn lực để thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ trong một khoảng thời gian xác định) thì việc xây dựng các chính sách hỗ trợ là cần thiết.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn hay một phần chi phí để giúp doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ; nâng cao

năng lực quản lý công nghệ, quản trị công nghệ cho các kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Hỗ trợ doanh nghiệp nắm và thực hiện việc đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo quy định pháp luật liên quan (*cụ thể là phân tích, đánh giá tổng hợp năm nhóm yếu tố thành phần bao gồm: nhóm hiện trạng công nghệ, thiết bị sản xuất (nhóm T); nhóm hiệu quả khai thác công nghệ (nhóm E); nhóm năng lực tổ chức, quản lý (nhóm O); nhóm năng lực nghiên cứu phát triển (nhóm R) và nhóm năng lực đổi mới sáng tạo (nhóm I), kết hợp với kết quả đánh giá hệ số đồng bộ về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất*), tự xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

Phương án 2: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ

** Điều kiện hỗ trợ:*

Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa và lớn.

Đối với nội dung hỗ trợ kinh phí, ngoài điều kiện hỗ trợ, doanh nghiệp cần đảm bảo các nội dung sau:

** Đối tượng hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật.

** Nguyên tắc hỗ trợ*

- Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

- Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.

- Trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Đánh giá chung

- Chính sách được ban hành sẽ là công cụ pháp lý cao, tạo sự minh bạch, rõ ràng hiệu quả nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong hoạt động.

- Nâng cao vai trò của nhà nước trong quá trình hỗ trợ phát triển cùng doanh nghiệp.

1.4.4.2. Đánh giá tác động

a) Phương án 1:

Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến doanh nghiệp nắm và thực hiện việc đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo quy định pháp luật liên quan (cụ thể hiện nay là Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ), tự xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

- Việc hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến này giúp các doanh nghiệp nắm các quy định pháp luật việc thực hiện đánh giá trình độ và năng lực công nghệ, tự xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, không làm tăng hiệu quả tích cực trong doanh nghiệp trong việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

- Tác động về tài chính

Doanh nghiệp phải tốn thêm kinh phí trong hoạt động đánh giá, xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong hoạt động sản xuất, không phát sinh chi phí ngân sách nhà nước.

- Tác động về xã hội

Giải pháp này làm doanh nghiệp tốn thêm chi phí nên chưa sẵn sàng thực hiện, tạo ra các sản phẩm có ít tính cạnh tranh trên thị trường, ít đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến công ăn việc làm người lao động.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

- Tác động về môi trường

Doanh nghiệp chưa sẵn sàng tích cực trong việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ sẽ ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, ảnh hưởng đến việc giảm thiểu các tác động trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tác động đến doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải gánh vác thêm một phần kinh phí khi thực hiện việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong sản xuất.

b) Phương án 2:

Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, cụ thể: *Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa và lớn.*

- Việc hỗ trợ kinh phí này tác động tích cực, động viên, khích lệ tinh thần hoạt động, nâng cao vai trò của nhà nước trong quá trình hỗ trợ gánh vác một phần kinh phí vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong việc thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm có giá trị cạnh tranh cao trên thị trường.

- Tác động về tài chính

+ Tích cực: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc xây dựng lộ trình công nghệ trong hoạt động.

+ Tiêu cực: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ làm tăng khả năng sản xuất của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế tại địa phương.

- Tác động về xã hội

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kết hợp các chính sách khác của nhà nước hiện nay thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao trình độ, nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động, an sinh cuộc sống.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

- Tác động về môi trường

Việc hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện xây dựng lộ trình công nghệ trong hoạt động trong quá trình hoạt động sẽ thúc đẩy và hiệu quả hơn trong việc giảm các tác động tiêu cực gây ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Thể hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc hài hòa giữa thực thi pháp luật và đẩy mạnh quá trình sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương.

- Tác động đến doanh nghiệp

Giải pháp giúp doanh nghiệp có một phần kinh phí trong việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong sản xuất.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét nhất trí với đề xuất **Phương án 2**.

- Lý do chọn

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung theo phương án 2 giải quyết được những khó khăn của doanh nghiệp khi hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ nhằm đảm bảo

tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước, thực thi pháp luật và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hoạt động góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đề xuất hình thức tổ chức thực hiện
- + Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.
- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ.
- + Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định xét duyệt hồ sơ hỗ trợ.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Chương IV Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 có nội dung: “*Biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ*”. Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp với 31 khu công nghiệp đang hoạt động ở tất cả ngành nghề, như: điện - điện tử; cơ khí; may mặc; gỗ; hóa chất, Tuy nhiên, đến nay Trung ương chỉ ban hành quy định nhưng chưa có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đối với nội dung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động, gây khó khăn cho địa phương thực hiện hiệu quả nội dung nêu trên đồng thời góp một phần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh cao trên thị trường, thay đổi quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm mới có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước là cần thiết phải xây dựng chính sách hỗ trợ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn hay một phần chi phí để giúp doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Không hỗ trợ kinh phí, chỉ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, vận động và hướng dẫn doanh nghiệp tự nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động thông qua các kênh tuyên truyền của Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các sở ban ngành, không sử dụng ngân sách nhà nước.

Phương án 2: Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động, bao gồm **08 nội dung** hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường (bao gồm cả chi phí mua thiết bị, máy móc; chi phí chuyển giao kỹ thuật (nếu có); chi phí thuê chuyên gia (nếu có); chi phí đào tạo, tập huấn, ...).

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Sản phẩm tạo ra có tính năng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

+ Việc nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất góp phần tăng ít nhất 5% giá trị của sản phẩm, năng suất lao động cao hơn so với trước khi thực hiện dự án;

+ Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường phải cam kết ứng dụng công nghệ được nghiên cứu, làm chủ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án và hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp (trong trường hợp chưa có) sau khi kết thúc dự án.

+ Máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện được đầu tư trong dự án phải mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện dự án nhưng không quá 1 tỷ đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Công nghệ chuyển giao phải tập trung vào các ngành ưu tiên, trọng điểm, cụ thể: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt, sản xuất trang phục; Chế biến gỗ, sản xuất giấy; Cơ khí; Điện – điện tử; Hóa chất; ...

+ Góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tăng giá trị sản phẩm. Sản phẩm tạo ra có tính năng, chất lượng, khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu, cụ thể: tăng số lượng sản phẩm đạt đủ tiêu chuẩn chất lượng, giảm thiểu những sản phẩm bị lỗi khiến hao tổn nguyên – nhiên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm dẫn đến sản phẩm có tính cạnh tranh hơn, ...

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến.

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Có phối hợp thực hiện giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ trong, ngoài nước (có thể là tổ chức khoa học và công nghệ thuộc công ty, tập đoàn) hoặc thông qua tổ chức khoa học và công nghệ có hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài;

+ Xác định được công nghệ cần tìm kiếm: sự cần thiết, tính cấp thiết, phù hợp của công nghệ, công nghệ rõ ràng, đánh giá vai trò và tác động đối với doanh nghiệp;

+ Đề xuất được phương án tìm kiếm, phát hiện công nghệ, giải mã theo yêu cầu hoặc theo đặt hàng của tổ chức, doanh nghiệp; xác định điều kiện để chuyển giao công nghệ;

+ Chứng minh được khả năng ứng dụng, làm chủ, chuyển giao khai thác hiệu quả công nghệ được tìm kiếm;

+ Công nghệ cần chuyển giao, ứng dụng, làm chủ và giải mã là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ:

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Có phối hợp giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ;

+ Có báo cáo khả thi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới công nghệ;

+ Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới công nghệ phải cam kết hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong ít nhất 02 năm đầu sau khi kết thúc dự án.

* *Mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

* *Điều kiện hỗ trợ*:

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Mô hình quản trị, sản xuất thông minh tập trung vào các ngành ưu tiên, mũi nhọn và ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao;

+ Thực hiện mô hình phải góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tăng giá trị sản phẩm;

+ Dự kiến được quy mô ứng dụng, mở rộng thị trường của mô hình.

* *Mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.

* *Điều kiện hỗ trợ*:

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Tổ chức có đủ năng lực thực hiện;

+ Sản phẩm tạo ra có khả năng cạnh tranh cao, có tiềm năng về lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, giúp doanh nghiệp phát triển nhanh về chất lượng và quy mô;

+ Chứng minh được hiệu quả của dự án:

++ Đối với dự án tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, kết quả, sản phẩm dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng hoặc chuyển giao;

++ Đối với dự án sản xuất sản phẩm mới phải tạo ra sản phẩm có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

++ Việc thay đổi quy trình công nghệ góp phần tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động.

* *Mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

h) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Xác định được thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của nơi thực hiện dự án và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái;

+ Mô hình phù hợp với nhu cầu phát triển và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương;

+ Tổ chức chủ trì phải chứng minh được khả năng huy động đủ nguồn vốn đối ứng và sử dụng, nhân rộng mô hình dự án; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

i) Hỗ trợ đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống

** Điều kiện hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

- Ngoài ra, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Mục tiêu, nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế địa phương;

+ Xác định được tiềm năng, thế mạnh sản phẩm của các vùng miền, các làng nghề và làng nghề truyền thống;

+ Có khả năng phối hợp với các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư để xây dựng các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng công nghệ theo thế mạnh, đặc trưng của các vùng, miền;

+ Ưu tiên các dự án góp phần hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững ứng dụng công nghệ tiên tiến tại mỗi vùng sinh thái.

** Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

Đối với nội dung hỗ trợ kinh phí, ngoài điều kiện hỗ trợ, doanh nghiệp cần đảm bảo các nội dung sau:

** Đối tượng hỗ trợ:*

- Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

- * Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

- Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.

- Trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1. Đánh giá chung

- Chính sách được ban hành sẽ là công cụ pháp lý cao, tạo sự minh bạch, rõ ràng hiệu quả nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động.

- Nâng cao vai trò của nhà nước trong quá trình hỗ trợ phát triển cùng doanh nghiệp.

2.4.4.2. Đánh giá tác động

a) Phương án 1:

Không hỗ trợ kinh phí, chỉ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, vận động và hướng dẫn doanh nghiệp tự nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động.

- Việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, vận động và hướng dẫn doanh nghiệp tự nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động chỉ giúp doanh nghiệp nắm được các quy định pháp luật về lĩnh vực công nghệ, tự thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, tuy nhiên sẽ làm tăng chi phí đầu tư của doanh nghiệp, do đó doanh nghiệp không tích cực trong hoạt động này.

- Tác động về tài chính

Doanh nghiệp phải tốn thêm kinh phí trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động sản xuất.

- Tác động về xã hội

Giải pháp này làm doanh nghiệp tốn thêm chi phí nên chưa sẵn sàng thực hiện, tạo ra các sản phẩm có ít tính cạnh tranh trên thị trường, ít đóng góp vào sự

phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến công ăn việc làm người lao động.

- Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

- Tác động về môi trường

Doanh nghiệp không tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ sẽ ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, ảnh hưởng đến việc giảm thiểu các tác động trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tác động đến doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải gánh vác thêm một phần kinh phí khi thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất, sẽ ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp đối với các đối thủ cùng ngành nghề.

b) Phương án 2:

Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động, bao gồm **08 nội dung** hỗ trợ nêu trên.

- Việc hỗ trợ kinh phí này tác động tích cực, động viên, khích lệ tinh thần hoạt động, nâng cao vai trò của nhà nước trong quá trình hỗ trợ gánh vác một phần kinh phí vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm có giá trị cạnh tranh cao trên thị trường.

- Tác động về tài chính

- + Tích cực: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động.

- + Tiêu cực: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ làm tăng khả năng sản xuất của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế tại địa phương.

- Tác động về xã hội

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kết hợp các chính sách khác của nhà nước hiện nay thúc đẩy quá trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao trình độ, nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động, an sinh cuộc sống.

- Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

- Tác động về môi trường

Việc hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động trong quá trình hoạt động sẽ thúc đẩy và hiệu quả hơn trong việc giảm các tác động tiêu cực gây ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp này không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Thể hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc hài hòa giữa thực thi pháp luật và đẩy mạnh quá trình sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương.

- Tác động đến doanh nghiệp

Giải pháp giúp doanh nghiệp giảm bớt một phần kinh phí trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét nhất trí với đề xuất **Phương án 2**.

- Lý do chọn

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung theo phương án 2 giải quyết được những khó khăn của doanh nghiệp khi hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước, thực thi pháp luật và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hoạt động góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đề xuất hình thức tổ chức thực hiện

+ Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định xét duyệt hồ sơ hỗ trợ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Cơ quan chủ trì soạn thảo Văn bản (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi lấy ý kiến các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan đồng thời thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của chính sách. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì, soạn thảo báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, tiếp tục hoàn thiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm định trước khi trình Hội đồng nhân dân quyết định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách, báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết về Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thi hành chính sách; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

2. Cơ quan giám sát: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

V. PHỤ LỤC

- Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ đến năm 2030.

- Bảng 2: Dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ đến năm 2030.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

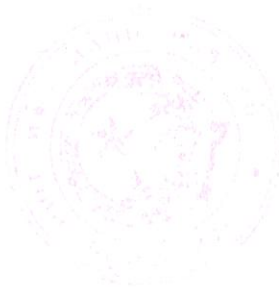


Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
I	Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ								
I.1	Hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp	Đơn vị	2	4	4	4	4	4	4
II	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động								
II.1	Hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường (bao gồm cả chi phí mua thiết bị, máy móc; chi phí chuyển giao kỹ thuật (nếu có); chi phí thuế chuyển giao (nếu có); chi phí đào tạo, tập huấn, ...).	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2
II.2	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2
II.3	Hỗ trợ thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến	Đơn vị	1	1	1	1	1	1	1
II.4	Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ	Đơn vị	1	1	1	1	1	1	1

	chức, cả nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ							
II.5	Hỗ trợ triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường	Đơn vị	2	2	2	2	2	2
II.6	Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.	Đơn vị	2	2	2	2	2	2
II.7	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn	Đơn vị	1	1	1	1	1	1
II.8	Hỗ trợ đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống	Đơn vị	1	1	1	1	1	1





Phụ lục 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỒ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

Stt	Nội dung	Dự toán kinh phí							Chi chú
		2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
I	Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	200.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	
I.1	Hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp	200.000 (2)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	Khoản 1, Điều 11; Điểm b, Khoản 2, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ
II	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	
II.1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng, sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6

	phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường (bao gồm cả chi phí mua thiết bị, máy móc; chi phí chuyển giao kỹ thuật (nếu có); chi phí thuê chuyên gia (nếu có); chi phí đào tạo, tập huấn, ...).									của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
II.2	Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	- Khoản 4, Điều 11 Chương III của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa).
II.3	Hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cả nhân hoạt động khoa học và công nghệ để	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	Điểm b, c, Khoản 5, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

	tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến và triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ								Điểm b, c, Khoản 5, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.
II.4	Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	50.000 (1)	
II.5	Hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	- Khoản 2, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình

								Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa).
	Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
II.7	Hỗ trợ Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2

	suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; năng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn								của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
II.8	Hỗ trợ đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương; Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
	TỔNG	4.700.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	
		9.600.000 (Từ năm 2024 – 2025)		24.500.000 (Từ năm 2026 - 2030)					

	TỔNG	34.100.000	
	(Từ năm 2024 - 2030)	(Ba mươi bốn tỷ một trăm triệu đồng)	